



MINH PHU

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ**



Báo Cáo Thường Niên
Năm 2011

MỤC LỤC

1. THÔNG ĐIỆP

Tầm nhìn

Sứ mệnh

Thông điệp của chủ tịch

2. GIỚI THIỆU

Lịch sử hình thành

Các sự kiện quan trọng

Quá trình phát triển

Định hướng phát triển

3. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những nét nổi bật

Tình hình thực hiện chỉ tiêu kinh tế tài chính so với kế hoạch

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

Tình hình xuất khẩu và thị trường

Những thay đổi chủ yếu trong năm

Triển vọng và kế hoạch tương lai

4. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Những tiến bộ đạt được

Kế hoạch phát triển kinh doanh

5. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu nhân sự

Chính sách đối với người lao động

6. HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Thông tin cổ đông

7. HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Môi trường và xã hội

Trách nhiệm với cộng đồng

8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tầm nhìn

“Phân đầu đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD trong vòng 05 năm tới và trở thành Công ty chế biến xuất khẩu tôm lớn nhất thế giới”

Sứ Mệnh

“Đưa con tôm Việt Nam vươn tầm Thế giới”



Thông điệp Của Chủ tịch

Kính thưa quý cổ đông!

Chúng ta đã đi qua năm 2011 với muôn vàn khó khăn và thách thức – kinh tế Thế giới vẫn chưa thể hồi phục sau khủng hoảng tài chính và suy thoái. Bên cạnh đó, khủng hoảng nợ công ở châu Âu và nguy cơ tan rã của khối liên minh này - cùng với xung đột căng thẳng ở các nước đông Phi, trung Đông cũng góp phần hạn chế tăng trưởng của kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Kinh tế trong nước trong năm qua gặp rất nhiều khó khăn và thách thức: Lạm phát và lãi suất tăng cao, cùng với việc chính phủ duy trì chính sách thắt chặt tín dụng làm cho hầu hết các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngành Thủy sản dù đã đạt được kế hoạch đề ra nhưng vẫn đang đối mặt với rất nhiều khó khăn thử thách như: người tiêu dùng ở các nước nhập khẩu thắt chặt chi tiêu do kinh tế suy thoái, hay các nước nhập khẩu tăng cường kiểm tra dư lượng kháng sinh đối với Thủy sản nhập khẩu từ Việt Nam, đặc biệt tình trạng thiếu hụt tôm nguyên liệu dẫn đến giá nguyên liệu tăng cao làm giảm sức cạnh tranh của con tôm Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, nhưng bằng sự nỗ lực của toàn thể ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, Công ty đã sản xuất được 30.491,79 tấn tôm thành phẩm, kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 334,39 triệu USD chiếm gần 15,56% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước. Riêng nhà máy Minh Phú Hậu Giang dù chỉ mới đi vào hoạt động cuối tháng 7-2011 cũng đã sản xuất được 4.494,33 tấn thành phẩm và có hơn 3.500 công nhân mới được tuyển dụng vào làm việc. Về lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm, Công ty sản xuất được gần 3.000 tấn tôm thương phẩm đáp ứng được 10% nhu cầu tôm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của Minh Phú. Trong đó, vùng nuôi tôm ở Lộc An đã thu hoạch một số ao đầu tiên với tổng sản lượng đạt 85,03 tấn, Cơ sở sản xuất con giống ở Ninh Thuận sản xuất được hơn 1,4 tỷ tôm post đáp ứng được nhu cầu tôm giống cho các vùng nuôi tôm của Minh Phú và một số vùng nuôi tôm bên ngoài.

Năm 2012 được dự báo tiếp tục là một năm rất khó khăn cho ngành Thủy sản nói chung và lĩnh vực nuôi trồng chế biến các sản phẩm tôm xuất khẩu nói riêng. Vẫn còn đó những thách thức về thiếu nguyên liệu chế biến, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, khả năng cạnh tranh suy giảm Ngoài ra, những khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng, lãi suất vẫn còn khá cao dẫn đến giá thành sản xuất tăng, nguyên liệu đầu vào tăng đang trở thành nỗi lo thường trực đối với các doanh nghiệp Thủy sản hiện nay. Dù còn nhiều khó khăn, nhưng Minh Phú nhận thấy có rất nhiều cơ hội đối với xuất khẩu Thủy sản. Bởi lẽ, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm này trên thế giới rất cao, đặc biệt là mặt hàng tôm rất được ưa chuộng trên thế giới.

Với lợi thế là một trong những tập đoàn sản xuất và chế biến tôm hàng đầu thế giới có qui trình nuôi trồng, sản xuất khép kín từ sản xuất con giống sạch bệnh, nuôi tôm thương phẩm sạch đến sản xuất chế biến tôm xuất khẩu. Với ưu thế về công nghệ nuôi tôm cũng như công nghệ chế biến tôm xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng tôm giá trị gia tăng đòi hỏi hàm lượng công nghệ cao, điều này giúp cho khả năng cạnh tranh của Minh Phú vượt trội không những đối với các doanh nghiệp sản xuất chế biến tôm trong nước mà còn trên thế giới.

Việc nhà máy chế biến Hậu Giang đi vào hoạt động giữa năm 2011 – Công ty nuôi tôm thương phẩm Lộc An Bà Rịa Vũng Tàu bắt đầu nuôi trên 100% diện tích - Công ty nuôi tôm Hòa Điền Kiên Giang bước đầu triển khai nuôi trên diện rộng. Bên cạnh đó, chiến lược mở rộng thị

trường sang Nga và Trung Quốc, đặt biệt là thị trường Trung Quốc bước đầu đã gặt hái một số thành công nhất định là nền tảng và cơ sở vững chắc giúp Minh Phú đạt được những chỉ tiêu và kế hoạch đề ra cho năm 2012.

Nhân dịp này Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty xin gửi lời cảm ơn tới các đối tác, các cơ quan hữu quan và toàn thể cổ đông về sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đối với công ty Minh Phú trong suốt thời gian qua. Với sự hợp tác giúp đỡ và tin tưởng đó, Minh Phú sẽ tiếp tục phát triển ổn định, phát triển bền vững và vẫn là công ty hàng đầu của Việt Nam về xuất khẩu tôm trong giai đoạn tới. Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc kính chúc toàn thể cổ đông và cán bộ công nhân viên Tập đoàn thủy sản Minh Phú cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng kính chào!

Chủ tịch hội đồng quản trị

Lê Văn Quang



GIỚI THIỆU

Lịch sử hình thành và phát triển

1992

-Doanh nghiệp tư nhân cung ứng hàng xuất khẩu Minh Phú được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 120 triệu đồng, ngành nghề kinh doanh chính là thu mua, chế biến thủy sản để cung ứng cho các đơn vị trong nước xuất khẩu

1998

-Ngày 01 tháng 07 năm 1998, được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú và đồng thời tăng vốn điều lệ lên thành 5 tỷ đồng.

2002

-Tháng 12 năm 2002, Xí nghiệp chế biến thủy sản Minh Phú được giải thể và thành lập Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Minh Phú - TNHH với vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh chính của công ty là thu mua chế biến hàng thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu

2006

- Chuyển từ mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần
- Ngày 27/12/2006 cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với 60.000.000 cổ phiếu phổ thông mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu

2008

-Ngày 25 tháng 06 năm 2008, Góp vốn vào Công ty Mseafood USA 20 triệu USD chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Mseafood.
-Ngày 08 tháng 07 năm 2008, thành lập Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú với vốn điều lệ 4,5 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

2009

-Ngày 17 tháng 08 năm 2009, Khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú-Hậu Giang công suất 40.000 tấn thành phẩm/ năm với vốn đầu tư khoảng 50 triệu USD

2010

-Ngày 23 tháng 06 năm 2010, đổi tên công ty thành Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú.

-Ngày 26 tháng 05 năm 2010, thành lập Công ty TNHH một thành nuôi tôm sinh thái Minh Phú với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

- Ngày 11 tháng 11 năm 2010, thành lập Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú- Lộc An với vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú sở hữu 100%.

2011

- Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An từ 50 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100 %.

- Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 97.5%.

- Ngày 6/12/2011 thành lập công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 250 tỷ đồng, Công ty mẹ Minh Phú sở hữu 100%

Các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty

1998

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú với công suất 5.000 tấn thành phẩm/năm

2000

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Quý với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

2006

Chính thức tham gia vào hoạt động nuôi tôm thương phẩm với sự ra đời của Công ty nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Kiên Giang

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú 1 với công suất 7.000 tấn thành phẩm/năm

Khánh thành và đưa vào hoạt động Trại sản xuất con giống Ninh Thuận với công suất thiết kế 5 tỷ tôm post /năm

2010

Nâng công suất cơ sở chế biến tôm xuất khẩu ở Cà Mau lên 36.000 tấn thành phẩm /năm

2011

Khánh thành và đưa vào hoạt động nhà máy chế biến tôm xuất khẩu Minh Phú Hậu Giang với công suất 40.000 tấn thành phẩm/năm

Các công ty con và công ty liên kết							
STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ	Đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu của Minh Phú	Cổ đông thiểu số
1	Công ty Mseafood USA	22.2	triệu USD	Nhập khẩu, phân phối thủy sản	California, Mỹ	90%	Lê Văn Quang
2	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	600	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Châu Thành, Hậu Giang	97.5%	Cty CP Đầu tư Long Phụng
3	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Quý	200	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	97.5%	Chu Thị Bình
4	Công ty TNHH Chế biến thủy sản Minh Phát	100	tỷ VND	Chế biến tôm xuất khẩu	Tp. Cà Mau	95.0%	Lê Văn Quang
5	Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	huyện Kiên Lương, Kiên Giang	99.1%	Lê Văn Quang
6	Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	30	tỷ VND	Gia hóa, tuyển chọn và sản xuất tôm giống	huyện Ninh Phước, Ninh Thuận	98.5%	Lê Văn Quang
7	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Lộc An	150	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu	100%	
8	Công ty TNHH MTV sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	4.5	tỷ VND	Sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản	huyện Thới Bình, Cà Mau	100%	
9	Công ty TNHH MTV Nuôi tôm sinh thái Minh Phú	20	tỷ VND	Nuôi tôm sinh thái	huyện Năm Căn, Cà Mau	100%	
10	Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú - Hòa Điền	250	tỷ VND	Nuôi tôm công nghiệp	huyện Kiên Lương, Kiên Giang	100%	
11	Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	200	tỷ VND	Hợp tác đầu tư dự án cảng	huyện Châu Thành, Hậu Giang	40%	Cty CP Đầu tư Long Phụng 50% & Lê Văn Quang 10%

Cơ sở nuôi trồng - Trại giống – Cơ sở chế biến

-  Trại giống
-  Vùng nuôi
-  Nhà máy chế biến



Kiên Giang
- Vùng nuôi
công nghiệp
(c. 600 ha)

CAMBODIA

VIETNAM

Hồ Chí Minh City

GULF OF THAILAND

Vũng Tàu
- Vùng nuôi
(c. 300ha)

Ninh Thuận
- Trại giống
(5 tỷ post/năm)



Cà Mau
- Vùng nuôi
Sinh thái
(c. 320 ha)
- Nhà máy chế biến
(Công suất hiện tại
36.000 tấn/năm)

Hậu Giang
- Nhà máy chế biến
(Công suất hiện tại
40.000 tấn/năm)



Quá trình phát triển

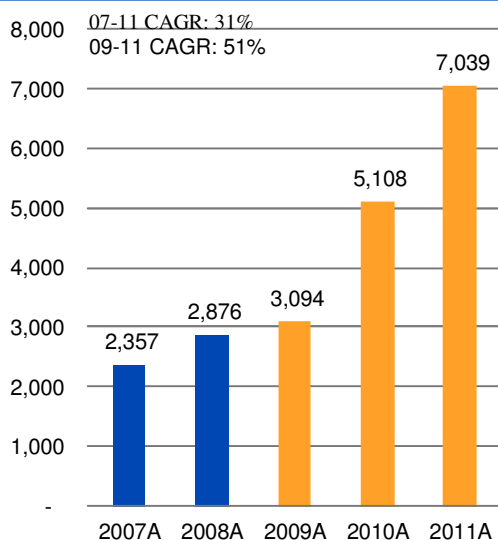
Ngành nghề kinh doanh

- ❑ Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản
- ❑ Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu
- ❑ Nhập máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu
- ❑ Kinh doanh bất động sản, đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- ❑ Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và tư máy móc thiết bị, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản.
- ❑ Kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê.

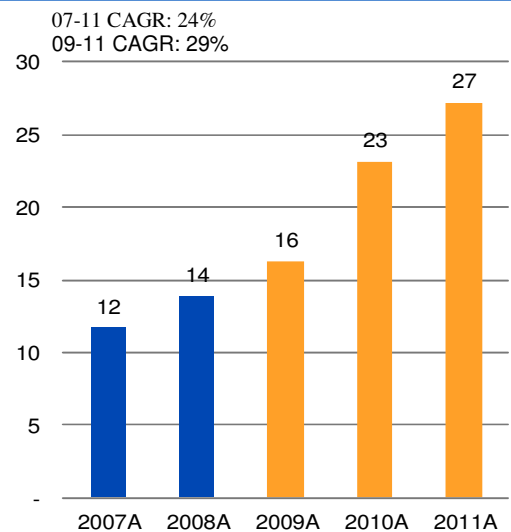
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011
Sản lượng sản xuất	Tấn	12.592,00	14.570,00	16.532,53	23.871,47	30.491,79
Sản lượng xuất khẩu	Tấn	11.679,10	13.877,58	16.096,25	23.119,88	27.178,20
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	144,99	156,10	158,67	247,64	334,39
Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.357,47	2.876,83	3.093,51	5.107,81	7.038,52
Tổng lợi nhuận ròng	Tỷ đồng	193,23	(38,09)	242,86	314,68	283,70

Biểu đồ 1: Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu (Tấn)



Minh Phú đạt được mức tăng trưởng doanh thu hàng năm hơn 30% cho giai đoạn từ 2007 đến 2011 và 50% cho giai đoạn từ 2009 đến 2011, mặc dù trong giai đoạn này công ty phải đương đầu với nhiều khó khăn và thách thức như: khủng hoảng tài chính 2008 và suy thoái kinh tế 2009.

Để đạt được tăng trưởng doanh thu ấn tượng như trên, công ty đã đầu tư tăng công suất chế biến, phát triển vùng nuôi và mở rộng thị trường tiêu thụ. Ngoài ra, một phần là do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tôm trên thế giới tăng lên đáng kể trong thời gian qua.

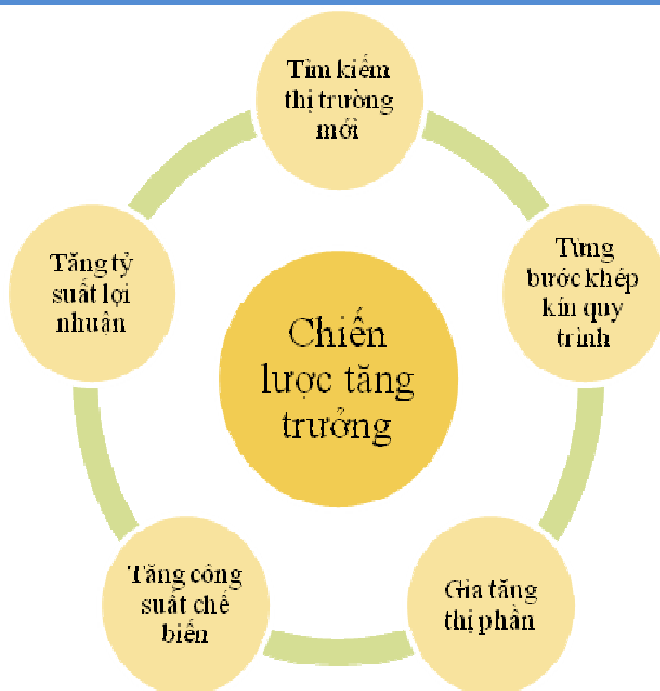
Định hướng phát triển

Mục tiêu của công ty

- ❑ Năm 2012, Công ty tiếp tục tập trung vào ngành nghề sản xuất chính của mình đó là sản xuất tôm giống sạch bệnh, mở rộng nhanh diện tích nuôi tôm thương phẩm, sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất chế biến tôm xuất khẩu.
- ❑ Minh Phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- ❑ Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh Phú thành thương hiệu mạnh.
- ❑ Tiếp tục triển khai mở rộng diện tích nuôi tôm công nghiệp sạch bệnh và liên kết với các lâm ngư trường ở Cà Mau nuôi tôm quảng canh cải tiến phấn đấu sẽ cung cấp phần lớn tôm nguyên liệu sạch cho các nhà máy chế biến của Minh Phú.
- ❑ Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động

Chiến lược tăng trưởng

Chiến lược tăng trưởng



Minh Phú dự kiến đạt kim ngạch xuất khẩu 1 tỷ USD vào năm 2015. Để đạt được điều này, Công ty đã đầu tư đáng kể vào việc mở rộng vùng nuôi, tăng công công suất chế biến, mở rộng thị trường mới và tăng thị phần ở những thị trường truyền thống... Các chiến lược tăng trưởng chính của Minh Phú bao gồm:

- ☐ Mở rộng thị trường sang Nga và Trung Quốc, đặc biệt Trung Quốc dự kiến sẽ trở thành một trong những thị trường trọng điểm trong thời gian tới.
- ☐ Tăng khả năng nuôi trồng bằng việc mở rộng vùng nuôi, áp dụng công nghệ và kỹ thuật nuôi tiên tiến để tăng số vụ thu hoạch cũng như tránh các loại dịch bệnh.
- ☐ Tăng công suất chế biến thông qua việc đẩy mạnh hoạt động của nhà máy Minh Phú Hậu Giang
- ☐ Tăng thị phần ở các thị trường truyền thống thông qua việc thâm nhập sâu hơn và đa dạng hóa sản phẩm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2011

Thành công nổi bật nhất của Minh Phú trong năm 2011 là tiếp tục duy trì và phát huy thế mạnh về chế biến tôm xuất khẩu và nuôi tôm thương phẩm. Công ty tiếp tục hoàn tất việc đầu tư nâng công suất chế biến và mở rộng vùng nuôi thông qua việc tăng vốn điều lệ cho nhà máy Minh Phú Hậu Giang từ 500 tỷ lên 600 tỷ đồng; Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An từ 50 tỷ lên 150 tỷ đồng; phê chuẩn thành lập Công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền.

Công ty đã sản xuất được 30.491,79 tấn tôm thành phẩm giảm 15,30% so với kế hoạch; kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 334,39 triệu USD giảm 7,11% so với kế hoạch mặc dù chiếm gần 15,56% kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước; doanh thu thuần đạt 7.038,52 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 283,70 tỷ đồng giảm so với kế hoạch lần lượt là 6,54% và 53,91%. Về lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm công ty đã sản xuất được gần 3.000 tấn tôm thương phẩm đáp ứng được gần 10% nhu cầu tôm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến của Minh Phú. Trại sản xuất tôm giống ở Ninh Thuận sản xuất được 1,4 tỷ tôm post, góp phần chủ động được nguồn tôm giống sạch bệnh cho vùng nuôi của công ty cũng như các vùng nuôi liên kết.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2011	So sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	334,39	360,00	92,89%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	30.491,79	36.000,00	84,70%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.038,52	7.524,00	93,55%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	337,47	705,50	47,83%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	283,70	615,50	46,09%

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

Nhờ phát huy tối đa lợi thế về nuôi trồng và chế biến giúp cho Minh Phú duy trì được tỷ suất lợi nhuận gộp ở mức 15% bằng với năm 2010 trong bối cảnh khó khăn của kinh tế trong nước và thế giới.

Việc không đạt được kế hoạch đề ra cho năm 2011 là do các yếu tố sau đây:

- Các dự án đầu tư mới như nhà máy chế biến Minh Phú – Hậu Giang, Công ty nuôi tôm thương phẩm Lộc An – Vũng Tàu bị chậm tiến độ đưa vào sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra do một số nguyên nhân khách quan nên đã không đóng góp được lợi nhuận cho Tập đoàn.
- Lãi suất cho vay của Ngân hàng tăng cao trong năm 2011 là một trong những nguyên nhân chính làm tăng chi phí tài chính, giảm lợi nhuận của công ty.

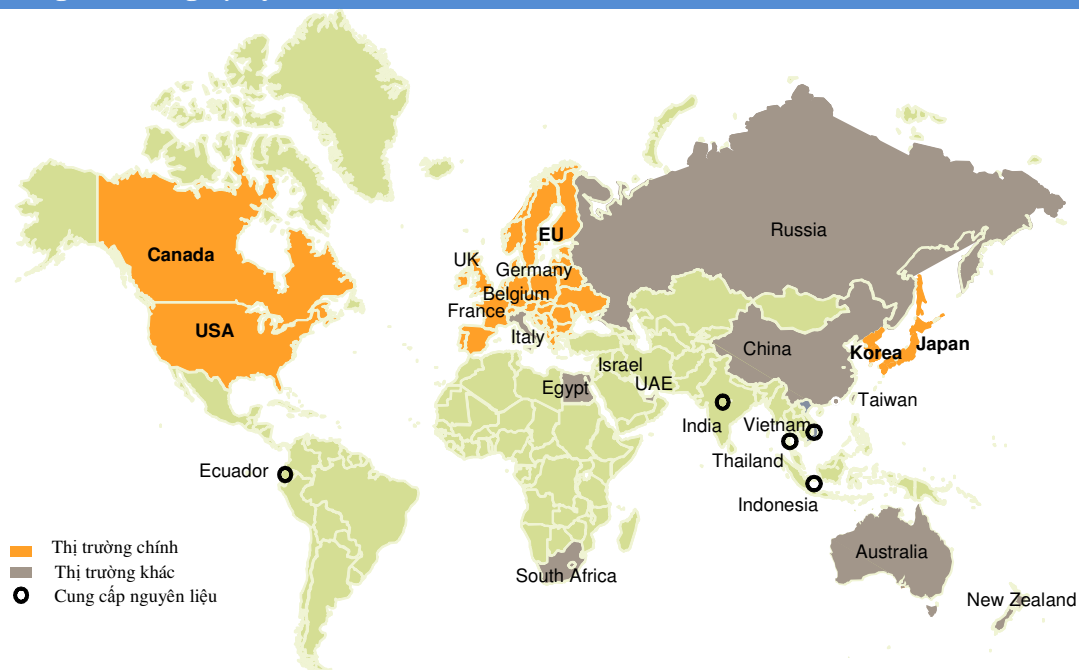
Tình hình xuất khẩu và thị trường

Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất năm 2011

THỊ TRƯỜNG	GIÁ TRỊ (USD)	TỶ LỆ %
MỸ	123.029.173,77	36,79
NHẬT	70.240.429,55	21,01
CANADA	30.168.320,83	9,02
ÚC	7.573.865,36	2,27
HONG KONG	5.042.397,53	1,51
EU	42.851.287,79	12,81
KOREA	42.248.033,19	12,63
KHÁC	13.232.761,16	3,96
TỔNG CỘNG	334.386.269,18	100,00

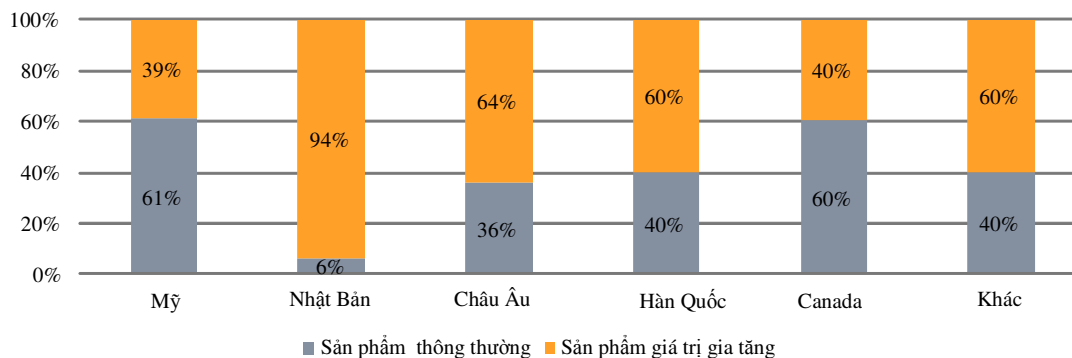
Mạng lưới khách hàng

Khách hàng theo vùng địa lý



Cơ cấu sản phẩm theo thị trường xuất khẩu

Doanh thu sản phẩm xuất khẩu theo thị trường



Những thay đổi chủ yếu trong năm

- ❑ Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An từ 50 tỷ lên 150 tỷ đồng
- ❑ Ngày 01/06/2011, thông qua nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011
- ❑ Ngày 18/07/2011, bổ nhiệm Ông Lê Ngọc Anh làm Phó tổng giám đốc
- ❑ Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Minh Phú – Hậu Giang từ 500 tỷ lên 600 tỷ đồng
- ❑ Ngày 06/12/2011, phê chuẩn thành lập Cty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 150 tỷ đồng
- ❑ Ngày 29/12/2011, bổ nhiệm Ông Bùi Anh Dũng làm Phó tổng giám đốc

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- ❑ Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- ❑ Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng (Vanamei) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao làm giảm giá thành tôm nuôi, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong cũng như ngoài nước, tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ có chất lượng cao.
- ❑ Tăng diện tích thả nuôi tôm mật nước, tăng năng suất và hiệu quả nuôi trồng để làm sao trong tương lai đáp ứng được phần lớn lượng tôm nguyên liệu cho các Công ty chế biến xuất khẩu của tập đoàn.
- ❑ Đẩy mạnh sản xuất chế phẩm sinh học để phục vụ cho các công ty thành viên nuôi trồng thủy sản và bán cho các hộ nuôi trồng thủy sản.
- ❑ Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như : Tôm Ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura, tôm tẩm gia vị ... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc.
- ❑ Liên doanh với các đối tác trong ngoài nước để xây dựng cảng Container Hậu Giang.
- ❑ Mở thêm các công ty phân phối ở EU, Nga, Trung Quốc.... để tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng hiệu quả của việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu và phân phối tôm trên toàn cầu

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo tình hình tài chính

Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	67,49	67,15
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	32,51	32,85
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	74,43	63,92
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	25,57	36,08
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,20	1,56
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,52	0,81
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	4,79	7,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,03	6,16
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,34	9,58
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,49	8,08
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	18,44	22,84

Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty tương đối tốt. Công ty luôn thanh toán đúng hạn mọi khoản công nợ. Khả năng thanh toán của năm 2011 thấp hơn năm 2010 nằm trong giới hạn rất an toàn, do công ty tăng cường bán hàng vào các thị trường có khả năng thanh toán tốt và nhanh.

Mặt khác do đặc thù của ngành kinh doanh chế biến tôm là cứ vào cuối năm là vào vụ nên cần rất nhiều vốn để thu mua tôm cho các đại lý cung cấp tôm. Vì vậy để chủ động được nguồn tài chính phục vụ cho sản xuất kinh doanh, công ty đã có các mối quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại rất tốt đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của công ty.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011

Tài Sản	Tại 01/01/2011	Tại 31/12/2011
A- Tài sản ngắn hạn	2.615.396.325.822	4.269.271.984.792
B- Tài sản dài hạn	1.279.408.110.524	2.056.194.027.466
Tổng tài sản	3.894.804.436.346	6.325.466.012.258
Nguồn vốn		
A- Nợ phải trả	2.489.526.775.302	4.707.852.603.427
B- Nguồn vốn chủ sở hữu	1.337.967.110.693	1.538.891.403.059
C- Lợi ích của cổ đông thiểu số	67.310.550.351	78.722.005.772
Tổng nguồn vốn	3.894.804.436.346	6.325.466.012.258

Những thay đổi về vốn cổ đông

Tại ngày 09/03/2011 có 2.498 cổ đông đến ngày 20/03/2012 chốt danh sách là : 2.153 cổ đông.

Tổng số cổ phiếu của công ty

- + Cổ phiếu phổ thông: 70.000.000 CP
- + Cổ phiếu ưu đãi : Không

Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không

Cổ phiếu quỹ, cổ phiếu dự trữ: Không

Cổ tức: Năm 2011, Cty không trả cổ tức

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Thực hiện năm 2011	Kế hoạch năm 2011	So với năm 2010	So sánh với kế hoạch
1- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	247,64	334,39	360,00	135,03%	92,89%
2- Sản lượng sản xuất	Tấn	23.119,88	30.491,79	36.000,00	131,89%	84,70%
3- Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.107,81	7.038,52	7.524,00	137,80%	93,55%
4- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	372,92	337,47	705,50	90,49%	47,83%
5- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	314,68	283,70	615,50	90,16%	46,09%
6- Lãi cơ bản trên / CP	Đồng	4.376	3.934	6.155	89,90%	63,91%

Những tiến bộ công ty đạt được

- ☐ Hệ thống quản lý chất lượng được công ty áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn sau : HACCP, GMP, SSOP, ISO 9001:2000, BRC, ACC, Global Gap... và công ty có Eu code DL145 được phép xuất hàng vào thị trường EU.
- ☐ Đạt giải thưởng hiệu mạnh Việt Nam năm 2006,2007,2008,2009 và Tốp 10 giải vàng chất lượng thủy sản Việt Nam.

- ❑ Đạt doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc nhiều năm liền 2003,2004, 2005,2006,2007,2008.2009 và năm 2010.
- ❑ Đạt giải thưởng quả cầu vàng năm 2007
- ❑ Kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất nước.
- ❑ Đạt được chứng chỉ ACC 3 sao “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường Hoa Kỳ” : Sao trại tôm giống, Sao đầm nuôi tôm và Sao nhà máy chế biến do tổ chức: The Accretation Committee of Aquaculture Certification Council, Inc., cấp.
- ❑ Đạt được chứng chỉ Global Gap “Sản phẩm được phép bán trong các siêu thị tại thị trường EU”
- ❑ Công ty luôn đặt mục tiêu quản lý chất lượng lên hàng đầu trong toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty. Với khẩu hiệu “ Minh Phú luôn luôn lắng nghe, thấu hiểu và thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng”

Kế hoạch phát triển kinh doanh

* Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2012

- Kim ngạch xuất khẩu hợp nhất : 500 triệu USD
- Sản lượng sản xuất hợp nhất : 53.000 tấn tôm thành phẩm
- Tổng doanh thu thuần hợp nhất : 10.478 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất : 877 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế và CĐTS hợp nhất : 715 tỷ đồng

Trong đó :

1- Lĩnh vực chế biến xuất khẩu :

- + Kim ngạch xuất khẩu : 500 triệu USD
- + Sản lượng xuất khẩu : 50.000 tấn tôm thành phẩm
- + Doanh thu thuần : 10.478,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 593,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 467,00 tỷ đồng

2- Lĩnh vực nuôi tôm thương phẩm :

- + Diện tích đất : 1.220,00 hecta
- + Diện tích mặt nước thả nuôi : 600,00 hecta
- + Sản lượng nuôi trồng : 7.063,00 tấn tôm
- + Doanh thu thuần : 783,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 268 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 233 tỷ đồng

3- Lĩnh vực sản xuất tôm giống :

- + Sản lượng sản xuất : 1,7 tỷ tôm post
- + Doanh thu thuần : 67,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 14,40 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 14,40 tỷ đồng

4- Lĩnh vực sản xuất chế phẩm sinh học :

- + Doanh thu thuần : 3,2,00 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 0,50 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 0,50 tỷ đồng

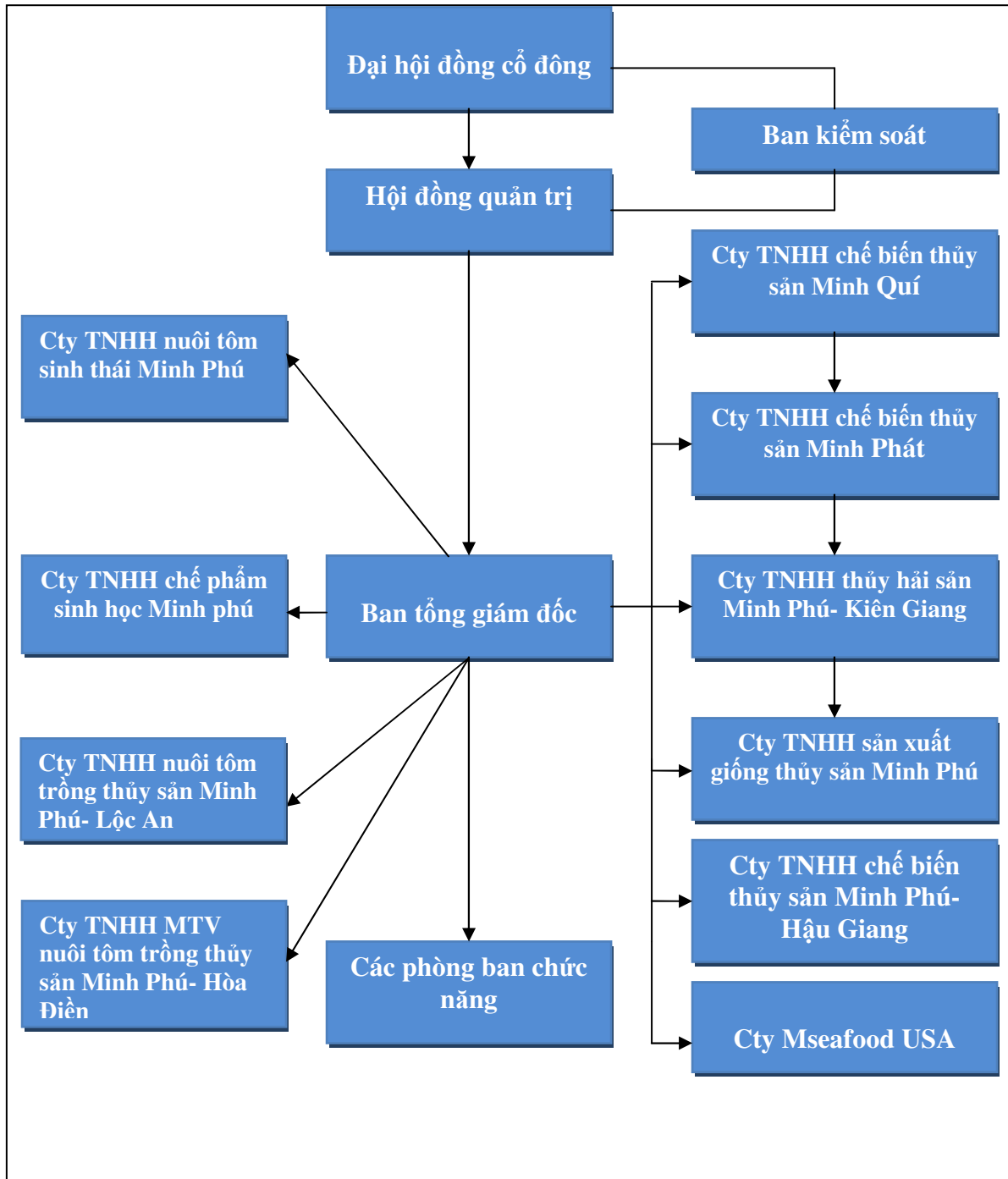
*** Kế hoạch phát triển kinh doanh dài hạn**

Để đạt được các mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, Minh Phú đã và sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển dài hạn trong đó chú trọng đến :

- Tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.
- Minh phú tiếp tục phấn đấu vẫn là công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam.
- Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu Minh phú thành thương hiệu mạnh.
- Tiếp tục triển khai mở rộng diện tích nuôi tôm công nghiệp sạch bệnh ở Kiên Giang , Cà Mau, Bà Rịa Vũng Tàu và liên kết với các lâm ngư trường ở Cà Mau nuôi tôm quảng canh cải tiến phấn đấu sẽ cung cấp phần lớn tôm nguyên liệu sạch cho các nhà máy chế biến của Minh Phú. Phấn đấu đến năm 2015 Minh Phú sẽ tự nuôi 2.000ha nuôi tôm công nghiệp và quảng canh cải tiến để tự cung cấp được 20% nhu cầu tôm nguyên liệu của Tập đoàn.
- Liên kết với các đơn vị sản xuất thức ăn cho tôm cho hàng đầu của thế giới , để đầu tư xây dựng nhà máy thức ăn cho tôm cung cấp thức ăn cho các Công ty nuôi tôm của Minh Phú tạo thành một quy trình sản xuất khép kín từ thức ăn, con giống sạch bệnh, nuôi tôm thương phẩm sạch đến sản xuất chế biến xuất khẩu.
- Liên kết với các đơn vị sản xuất bao bì thùng carton; bọc PA/PE; khay nhựa; khay xốp; sản xuất bột cũng như sản xuất nước sốt hàng đầu Việt Nam và thế giới để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bao bì, vật tư, vật liệu.... hình thành một hệ thống các nhà máy vệ tinh xung quanh nhà máy Minh Phú - Hậu Giang để cung cấp cho các nhà máy của Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.
- Đầu tư trung tâm nghiên cứu gia hóa và tuyển chọn tôm sú, thẻ chân trắng (Vanamei) bố mẹ sạch bệnh, có khả năng tăng trưởng nhanh, tỷ lệ sống cao và thích ứng được sự biến đổi của thời tiết và khí hậu để tiến tới chủ động được hoàn toàn nguồn tôm bố mẹ đảm bảo cho nuôi tôm an toàn và bền vững.
- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất những mặt hàng giá trị gia tăng như : Tôm ring, tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, Tôm Tempura , tôm tẩm gia vị ... làm tăng khả năng cạnh tranh khi xuất vào thị trường Mỹ, Nhật Bản , EU và Hàn Quốc.
- Liên kết với đối tác trong và ngoài nước xây dựng cảng Container tại Hậu Giang.
- Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và không ngừng đào tạo, thu hút nguồn nhân lực giỏi, luôn có chính sách đãi ngộ tốt đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân lao động.
- Mở thêm các công ty phân phối ở EU, Nga, Trung Quốc.... để tăng kim ngạch xuất khẩu, tăng hiệu quả của việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu và phân phối tôm trên toàn cầu.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức



Ban Giám Đốc

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Lê Văn Quang 54 Tuổi 	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 28/10/1958 - Nơi sinh: Bệnh viện Quảng Yên - Quảng Ninh - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: 385/37B Điện Biên Phủ, Phường 4 Quận 3, TPHCM - Điện thoại liên lạc: (84.780) 3838 262 - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1981 - 1983: Cán bộ kỹ thuật sở thủy sản Minh Hải. + 1983 - 1986: Phó phòng thu mua Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Hải + 1986 - 1988: Quản đốc phân xưởng Công ty Xuất nhập khẩu thủy sản Minh Hải + 1992 - 2003: Chủ doanh nghiệp tư nhân Minh Phú. + 2003 – 2006: Tổng giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú. - Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú; Chủ tịch HĐQT thành viên Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Bà Chu Thị Bình 48 Tuổi 	Phó Chủ Tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 1964 - Nơi sinh: Thái Bình - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: 112B Phan Bội Châu, F7, TP Cà Mau. - Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044 - Trình độ văn hóa: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Trung cấp - Quá trình công tác: + 1981 – 1995: Nhân viên thu mua, Kế toán Công ty Chế biến Thủy sản Cà Mau + 1996 – 1997: Phó giám đốc Xí nghiệp Hợp tác + 1998 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý. - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Chu Văn An 59 Tuổi 	Thành viên HDQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 02/05/1953 - Nơi sinh: Thái Bình - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Thái Bình, Việt Nam - Địa chỉ thường trú: số 09 Khu tập thể Minh Phú, xã Lý Văn Lâm, Thành phố Cà Mau - Điện thoại liên lạc: (84.780) 3820044 - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật. - Quá trình công tác: + 1997 - 1999: Trưởng ban quản lý Công trình. + 1999 - 2001: Trưởng phòng tổ chức, hành chính xí nghiệp Minh Phú. + 2002 - nay: Phó tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hành chính Nhân sự Công ty Cổ phần Thủy hải sản Minh Phú; Giám đốc Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát, Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Thái Hoàng Hùng 48 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 1964 - Nơi sinh: Bạc Liêu - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: Khu Tập Thể Cty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau - Điện thoại liên lạc: 0780.3837804 - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1982 - 1987: Học Đại học Thủy sản ở Nha Trang. + 1987 - 1991: Phó Giám Đốc Xí nghiệp đông lạnh Bạc Liêu. + 1992 - 1995: Trưởng phòng Máy công ty XNK Thủy sản Gia Rai Bạc Liêu + 1995 – 1998: Trưởng phòng Máy Công ty Liên doanh NIGICO + 1998 –2003 : Trưởng phòng kỹ thuật công ty XNK thủy sản Minh Phú-TNHH + 2003 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty Minh Phú - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Nguyễn Tấn Anh 38 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 09-06-1974 - Nơi sinh: Bình Thuận - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: B1 Khu Tập Thể Cty CP tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau - Điện thoại liên lạc: 0780.3668037 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú + 2000-2003: Trưởng phòng kinh doanh Minh Phú + 2003-2006: Giám đốc kinh doanh Minh Phú + 2006-nay: Phó Tổng Giám đốc Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Lê Văn Điệp 40 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 26-12-1972 - Nơi sinh: Hải Phòng - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: 212 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau - Điện thoại liên lạc: 0780.3581979 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Quá trình công tác: + 1999-2002 : Phó phòng nghiệp vụ, Xí nghiệp CBTS thủy sản Minh Phú + 2003- 2006 : Phó giám đốc tài chính Công ty XNK thủy sản Minh Phú + 2006- 2007 : Thành viên hội đồng quản trị, P.Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú. + 07/05/2007-31/12/2007 : Giám đốc tài chính Công ty CP thủy hải sản Minh Phú. + 2008- Nay : Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Kế toán trưởng Công ty TNHH CBTS Minh Quý và Công ty TNHH CBTS Minh Phát. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ban Giám Đốc		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Bùi Anh Dũng 37 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 01-01-1975 - Nơi sinh: Nghệ An - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: D17-5 khu dân cư Long Thịnh, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ - Điện thoại liên lạc: 0711. 2228788 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1998-2000: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú; + 2000-2002: Nhân viên XNK Công ty XNK Thủy sản Minh Phú; + 2003 – 2006: Phó Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Thủy hải sản Minh Phú. + 2007 – 2011: Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú. - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc nhà máy Minh Phú Hậu Giang kiêm Giám đốc Kế Hoạch - Thị Trường Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú.- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Ông Lê Ngọc Anh 39 Tuổi 	Phó Tổng Giám Đốc	- Năm sinh: 20-04-1973 - Nơi sinh: Thừa Thiên Huế - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: A4 Khu Tập thể Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Phường 8, TP Cà Mau - Điện thoại liên lạc: 0780 3839389 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến thủy sản - Quá trình công tác: + 1997-1999: KCS Công ty chế biến Thủy sản Minh Phú; + 2000-2003: Trưởng KCS Công ty XNK Thủy sản Minh Phú; + 2003- Nay: Giám đốc Chất lượng Công ty CP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc phụ trách chất lượng Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không có - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị		
Họ và Tên	Vị Trí	Thông tin chi tiết
Ông Lê Văn Quang		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Bà Chu Thị Bình		(Xem phần Ban Giám Đốc)
Ông Chu Văn An		((Xem phần Ban Giám Đốc)
Bà Đinh Ánh Tuyết 39 Tuổi 	Thành viên HĐQT	- Năm sinh: 22/09/1973 - Nơi sinh: Hà Nội - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Ninh Bình- Việt Nam - Địa chỉ thường trú: Số 2, ngõ 23 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội - Điện thoại liên lạc: 0903.282.896 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật (Đại học Luật Hà Nội), Thạc sĩ luật (Đại học tổng hợp Pittsburg, Pennsylvania, USA), Thạc sĩ quản trị (Đại học Solvay - Đại học tổng hợp tư do Bruxel, Bi- Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội) - Quá trình công tác: + 1996- 2001: Luật sư, Hãng luật Vovan & Associates, Pháp + 2004-2007 : Luật sư cao cấp, Hãng luật Vilaf Hồng Đức +2007- Nay : Luật sư trưởng, Văn phòng luật sư IDVN - Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Minh Phú - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Ông Jean-Eric Jacquemin 51 Tuổi 	Thành viên HDQT	- Năm sinh: 11/05/1961 - Nơi sinh: Port- Gentil - Quốc tịch: Pháp - Địa chỉ thường trú: 601I Xa lộ Hà Nội, An Phú, An Khánh, Quận 2, HCMC, Việt Nam - Điện thoại liên lạc: 08 39322318 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh Đại Học Western New England, Springfield, Massachusetts, USA (1983) - Quá trình công tác: + Trước năm 1996 : 4 năm kinh nghiệm trong việc tái cơ cấu các doanh nghiệp lỗ ở Mỹ, 8 năm làm việc với tập đoàn PPR và 2 năm ở Việt Nam. + 1996 – 2000: Làm việc cho quỹ đầu tư Lazard về các dự án liên quan đến lĩnh vực thực phẩm, sau đó chịu trách nhiệm thanh lý tài sản của quỹ này. + 2000-2002: Chuyên viên tư vấn trong Bộ Phận Tái Cấu Trúc Các Doanh Nghiệp Nhà Nước tại Ernst & Young, tư vấn cho SCERD, Bộ Nông Nghiệp, Bộ Công Thương và Bộ Xây Dựng trong việc cổ phần hóa hơn 30 doanh nghiệp nhà nước. + Từ năm 2006: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Temasia Capital Limited, một công ty đầu tư với tổng tài sản US\$30m + Từ năm 2007: Giám Đốc của quỹ đầu tư Red River Holding. + Từ năm 2008: Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management. - Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Cty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú, Giám Đốc Điều Hành của công ty quản lý quỹ Jade River Management, Chủ Tịch và CEO của Red River Holding - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
--	----------------------------	--

Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát		
Họ và Tên	Chức vụ	Thông tin chi tiết
Ông Phan Văn Dũng 52 Tuổi 	Trưởng Ban	- Năm sinh: 26/10/1960 - Nơi sinh: Tiền Giang - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Tiền Giang- Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 323-325 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM - Điện thoại liên lạc: 0913.911.525 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế- Kiểm toán viên công chứng - Quá trình công tác: + 1983-1991: Giảng viên, Trường đại học kinh tế TP.HCM, Kiểm chuyên viên kế toán Cty Imexco + 1992-1997 : Kế toán trưởng Cty đầu tư và phát triển khu chế xuất Sài Gòn + 1997-2004 : Phó giám đốc Cty kiểm toán AFC Sài Gòn, Giám đốc chi nhánh AFC Cần Thơ + 2004-2006 : Giám đốc điều hành Cty hợp danh kiểm toán và tư vấn kế toán SGN. + 2006- Nay : Giám đốc Cty TNHH kiểm toán và tư vấn Phan Dũng- PDAC, Giảng viên đại học quốc gia TP.HCM, Đại học dân lập Bình Dương. - Chức vụ hiện tại : Trưởng ban kiểm soát Cty Minh Phú - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
Bà Mai Thị Hoàng Minh 47 Tuổi 	Thành viên	- Năm sinh: 09/09/1965 - Nơi sinh: Hà Nội - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Hà Nội - Việt Nam - Địa chỉ thường trú: 103/35 Trần Huy Liệu, Quận Phú Nhuận, TP.HCM - Điện thoại liên lạc: 08.8531533 - Trình độ văn hoá: 10/10 - Trình độ chuyên môn: PGS Tiến sĩ kinh tế. - Quá trình công tác: + 1987: Tốt nghiệp Đại học kinh tế, chuyên viên kiểm tra, kiểm soát các thông tin kinh tế thuộc Trường đại học kinh tế Praha, Tiệp Khắc. + 1989 : Giảng viên Trường đại học tài chính kế toán TP.HCM, nay là trường Đại học kinh tế TP.HCM. + 2001 : Bảo vệ luận án tiến sĩ Trường đại học kinh tế TP.HCM - Chức vụ hiện tại: Thành viên ban kiểm soát Cty Minh Phú, Giảng viên Trường đại học kinh tế TP.HCM - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có

Bà Nguyễn Việt Hồng 44 Tuổi 	Thành viên	- Năm sinh: 12/10/1968 - Nơi sinh: Vĩnh Lợi, Minh Hải - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Quê quán: Vĩnh Lợi, Minh Hải - Địa chỉ thường trú: C4 Khu tập thể Hải Sản, K8, phường 8, Thành Phố Cà Mau - Điện thoại liên lạc: (0780) 839391 - Trình độ văn hoá: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy sản. - Quá trình công tác: - 1993 – 1999 Kế toán công ty Camimex - 1999 – 2006 Kế toán tiền lương tại Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Minh Phú - 2006 – 2007 Kế toán tiền lương tại Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú - Chức vụ hiện tại: Phó giám đốc tổ chức hành chính, thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP tập đoàn thủy sản Minh Phú. - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
---	------------	---

Cơ cấu nhân sự

Năm	Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Công nhân lành nghề	Tổng cộng	Lương trung bình/tháng (triệu VND)	Mức tăng	CPI
2006	0	90	14	43	2.116	2.263	1.80		7.48%
2007	0	103	19	74	3.029	3.225	2.06	14.2%	8.3%
2008	0	110	22	104	3.943	4.179	2.00	-2.7%	23.0%
2009	1	172	23	207	5.269	5.672	2.50	25.0%	6.9%
2010	3	238	36	218	6.412	6.907	2.81	12.2%	9,19%
2011	7	435	252	630	10.744	12.068	3.59	28.0%	18.6%

Chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động có hợp đồng lao động trên một năm.
- Tiền lương của tất cả cán bộ công nhân viên tính theo sản phẩm.
- Tiền thưởng hàng tháng bình bầu xếp loại A, B, C cho từng cán bộ công nhân viên theo tiêu chuẩn công việc hoàn thành xuất sắc và ngày công đầy đủ để xếp hạng thưởng.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị : Gồm 5 Thành viên

1- Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch hội đồng quản trị
2- Bà Chu Thị Bình	Thành viên hội đồng quản trị
3- Ông Chu Văn An	Thành viên hội đồng quản trị
4- Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên hội đồng quản trị
5- Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên hội đồng quản trị

Ban tổng giám đốc : Gồm 6 thành viên

1- Ông Lê Văn Quang	Tổng giám đốc
2- Bà Chu Thị Bình	Phó tổng giám đốc
3- Ông Chu Văn An	Phó tổng giám đốc
4- Ông Thái Hoàng Hùng	Phó tổng giám đốc
5- Ông Nguyễn Tấn Anh	Phó tổng giám đốc
6- Ông Lê Văn Điệp	Phó tổng giám đốc
7- Ông Lê Ngọc Anh	Phó tổng giám đốc
8- Ông Bùi Anh Dũng	Phó tổng giám đốc

Ban kiểm soát : Gồm 3 thành viên

1- Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban kiểm soát
2- Bà Mai Thị Hồng Minh	Thành viên ban kiểm soát
3- Bà Nguyễn Việt Hồng	Thành viên ban kiểm soát

Hoạt động của hội đồng quản trị

- Ngày 15/02/2011, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An từ 50 tỷ lên 150 tỷ đồng
- Ngày 01/06/2011, thông qua nội dung, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011
- Ngày 18/07/2011, bổ nhiệm Ông Lê Ngọc Anh làm Phó tổng giám đốc
- Ngày 26/07/2011, tăng vốn điều lệ cho Minh Phú – Hậu Giang từ 500 tỷ lên 600 tỷ đồng
- Ngày 06/12/2011, phê chuẩn thành lập Cty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền với vốn điều lệ 150 tỷ đồng
- Ngày 29/12/2011, bổ nhiệm Ông Bùi Anh Dũng làm Phó tổng giám đốc

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các tiểu ban trong HĐQT và vai trò của nó (Ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban bổ nhiệm...)

- Hội đồng tiền lương : Xét duyệt tăng bậc lương, hệ số lương thưởng, xét lương thưởng cho từng bộ phận.
- Ban quản lý dự án đầu tư : Lập phương án đầu tư , quản lý và theo dõi, giám sát và đơn đốc dự án đầu tư.

Hoạt động của ban kiểm soát

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát toàn diện trên tất cả các mặt như : Chính sách tiền lương, tiền thưởng, Tính chấp hành chính sách chế độ về quản lý tài chính , chế độ kế toán nhà nước ban hành. Thực hiện việc đầu tư, kiểm tra việc thực hiện quyền lợi của nhà đầu tư, kiểm soát việc thực hiện các quy chế của công ty.

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của công ty

Từng bước hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ của công ty, giảm thiểu chi phí và định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh làm tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát

STT	Nội dung	Số tiền
1	Hội đồng quản trị	420.000.000
2	Ban kiểm soát	180.000.000
	Tổng cộng	600.000.000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS

STT	Họ và tên	Quan hệ	Ngày 01/01/2011		Ngày 31/12/2011		Thay đổi(+/-)	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	Lê Văn Quang- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc		15.961.000	222,80	15.961.000	222,80	0	00
	Chu Thị Bình – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	Vợ	16.441.190	223,49	17.475.010	224,96	1.033.820	1,47
	Lê Thị Diệu Minh	Con	6.600.000	99,43	6.600.000	19,43	0	0
	Lê Văn Điệp – Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính	Em ruột	1.965.445	22,81	1.965.445	62,81	0	
2	Chu Văn An – Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc		1.109.400	11,58	1.109.400	11,58	0	0
	Nguyễn T. Kim Trọng	Vợ	17.166	0,025	17.166	0,025%	0	0
3	Đình Anh Tuyết- Thành viên HĐQT		5.000	00,007	5.000	00,007	0	0
4	Jean-Eric Jacquemin - Thành viên HĐQT	-	-	--	-	--	-	-
5	Lưu Minh Trung – Kế toán trưởng		-	0-	-	0-	-	-
6	Phan Văn Dũng- Trưởng ban kiểm soát		3.000	00,004	3.000	0,004	0	0
7	Nguyễn Việt Hồng- Thành viên BKS		7.800	0,011	7.800	0,011	0	0
8	Mai thị Hoàng Minh- Thành viên ban kiểm soát		3.000	0,004	3.000	0,004	0	0

Thông tin cổ đông

Các dữ liệu thống kê về cổ đông : Tại ngày 20/03/2011

Cổ đông trong nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước: 57.566.390 cổ phiếu chiếm 82,24%

Trong đó :

- + Cổ đông tổ chức : 8.950.135 cổ phiếu chiếm 12,79%
- + Cổ đông cá nhân : 48.616.255 cổ phiếu chiếm 69,45 %

- Thông tin về các cổ đông lớn :

+ Có 04 cổ đông là tổ chức nắm giữ 5% cổ phiếu trở lên :

1. Vietnam Invesment Fund II	5,00% Cổ phần
2. Red River Holding	9,05% Cổ phần
3. Vietnam Invesment Fund	6,81% Cổ phần
3. Long Phung Invest	5,84% Cổ phần

+ Có 7 cổ đông nắm giữ 5 % cổ phiếu trở lên là :

1. Ông Lê Văn Quang	22,80% Cổ phần
2. Bà Chu Thị Bình	24,96% Cổ phần
3. Bà Lê Thị Dị Minh	9,43% Cổ phần
4. Vietnam Invesment Fund II	5,00% Cổ phần
5. Red River Holding	9,05% Cổ phần
6. Vietnam Invesment Fund	6,81% Cổ phần
7. Long Phung Invest	5,84% Cổ phần

Cổ đông nước ngoài

- Tổng số cổ phần của tổ chức và cá nhân nước ngoài nắm giữ : 12.433.610 CP chiếm 17,76%

- + Cổ đông cá nhân : 394.220 Cổ phần chiếm 0,56%
- + Cổ đông tổ chức : 12.039.390 Cổ phần chiếm 17,20%

- Thông tin về cổ đông nước ngoài lớn chiếm 5% cổ phần trở lên : có 02 cổ đông

1. Vietnam Invesment Fund II :	5,00% Cổ phần
2. Red River Holding :	9,05% Cổ phần

HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



Hình: Trường THCS phường 7, TP Cà Mau, do Minh Phú tài trợ xây dựng với vốn đầu tư hơn 17 tỷ đồng, vừa được công nhận đạt chuẩn quốc gia.



Môi trường và cộng đồng



TẤT CẢ CÁC NHÀ MÁY CỦA MINH PHÚ ĐỀU CÓ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHUẨN

Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh an toàn lao động.

Bên cạnh đó, công ty đầu tư những máy móc thiết bị tiên tiến, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng, góp phần giảm thải các khí gây hiệu ứng nhà kính như carbon dioxide, methane, ...

Là một công ty chuyên sản xuất chế biến tôm, MINH PHÚ không chỉ chú trọng về an toàn vệ sinh thực phẩm mà còn đặt yếu tố thân thiện với môi trường lên hàng đầu. Tất cả các nhà máy, vùng nuôi tôm của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Không chỉ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định, các nhà máy MINH PHÚ còn có hệ thống thu gom triệt để các chất thải từ quá trình chế biến (như đầu vỏ tôm) để làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất chitin chitosan.

MINH PHÚ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Các nhà máy của công ty đều được trang bị các dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập trực tiếp từ các nước như: Nhật, Đức, Thụy Điển, Đan Mạch... với tiêu chí tạo ra sản phẩm chất lượng cao, tiêu thụ điện năng thấp. Bên cạnh đó, MINH PHÚ đã thay thế toàn bộ qui trình sản xuất theo phương pháp thủ công trước đây (các bàn chế biến thông thường) bằng qui trình sản xuất bán tự động dạng băng tải, với qui trình sản xuất này ngoài việc nâng cao năng suất làm việc, điều kiện làm việc được cải thiện tốt hơn rất nhiều so với trước đây (không gian làm việc thông thoáng, giam độ ẩm không khí, công nhân không phải đi lại nhiều v.v...) Với qui trình sản xuất này việc thu gom phế phẩm thấy ra từ nguyên liệu và thành phẩm trong từng dây chuyền hoàn toàn tự động và độc lập tránh gây nhiễm chéo giữa nguyên liệu với bán thành phẩm cũng như phế liệu thấy ra.

Dây chuyền sản xuất dạng băng tải mà Minh Phú đang áp dụng rất dễ sử dụng, dễ vệ sinh nên việc kiểm soát vi sinh hoàn toàn có thể. Ngoài ra chúng tôi có thể tiết giảm được lượng nước tiêu hao cho sản xuất so với việc sử dụng từng bàn chế biến riêng lẻ như trước đây khoảng từ 60 đến 70% tùy theo từng điều kiện.

Với qui trình sản xuất liên hoàn dạng băng tải chúng tôi hoàn toàn chủ động trong việc sử dụng, điều tiết, phân phối nguồn nước đặc biệt có thể làm cho nền nhà xưởng luôn giữ được khô ráo, tiết giảm được điện sử dụng cho máy lạnh, góp phần đảm bảo sức khoẻ Công Nhân Viên, hạn chế sự phát triển của Vi sinh vật

Bằng việc áp dụng công nghệ cấp đông tiên tiến nhất ở các nước Châu Âu nói chung ngoài việc nâng cao hiệu quả, giảm điện năng tiêu thụ bình quân còn góp phần không nhỏ cho việc nâng cao chất lượng thành phẩm, chất lượng và hình thức sản phẩm hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu khách hàng ở các nước chúng tôi cung cấp

GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG

Tất cả các nhà máy, vùng nuôi của MINH PHÚ đều thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về đánh giá tác động môi trường ngay từ những ngày đầu xây dựng.

Hiện nay 02 nhà máy chế biến Thủy sản của Minh Phú ở Cà Mau và Hậu Giang đang sử dụng đèn chiếu sáng trong nhà máy bằng đèn LED thay cho đèn Neon trước đây. Với việc đầu tư công nghệ LED chúng tôi tiết kiệm được lượng điện tiêu thụ khoảng 65% so với việc sử dụng đèn Neon cùng công suất chiếu sáng, ngoài ra đèn LED còn góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường

Về hệ thống xử lý nước thải: hiện tại nhà máy tại Hậu Giang đã được đầu tư Hệ thống xử lý nước thải với công suất 5000m³/ngày đêm theo công nghệ UASB và MBBR thu hồi Biogas để tái sử dụng cho nồi hơi đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại A theo QCVN 11:2008. Công nghệ này giúp hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh trong quy trình xử lý, việc thu hồi khí biogas để tái sử dụng góp phần tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu phát sinh các khí thải gây hiệu ứng nhà kính như CH₄, CO₂....Ngoài ra hệ thống còn được đầu tư thêm hệ thống xử lý bậc cao (bồn lọc áp lực) giúp tái sử dụng 1 phần nước thải vào việc vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...Đối với Hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy Cà Mau của Công ty đã được đầu tư từ năm 2008 với công suất 2000m³/ngày đêm đảm bảo nước thải đầu ra đạt loại B theo QCVN 11:2008 theo quy định, hiện Minh Phú đang tiến hành khảo sát đầu tư mở rộng, nâng công suất lên 5000m³/ngày đêm theo QCVN 11:2008 cột A theo công nghệ tương tự nhà máy ở Hậu Giang. Việc đầu tư Hệ thống xử lý nước thải đồng bộ như trên tại 2 nhà máy là tiền đề để Minh Phú xây dựng theo cơ chế phát triển sạch (CDM), thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Hệ thống xử lý nước thải của các nhà máy đều được Sở Tài nguyên Môi trường địa phương cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường, một phần nước thải sau xử lý được tái sử dụng.

Các nhà máy của MINH PHÚ được thiết kế hiện đại, đạt tiêu chuẩn ISO, HACCP, tạo môi trường làm việc sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động đối với người lao động, mọi nguồn phát sinh tiếng ồn đều được cách ly hoàn toàn.

Với vùng nuôi của mình, MINH PHÚ nuôi tôm bằng công nghệ sinh học, hạn chế tối đa việc sử dụng hóa chất, thực hiện nuôi tôm bền vững, thân thiện với môi trường. Tại vùng nuôi của MINH PHÚ, khoảng 40% diện tích được dùng làm hệ thống cấp, xử lý nước thải từ ao nuôi tôm. Việc áp dụng công nghệ nuôi tiên tiến giúp cho việc thay nước, xử lý nước được giảm thiểu. Nước thải từ ao nuôi tôm được xử lý và tận dụng tuần hoàn trở lại. Môi trường ao nuôi thực sự là môi trường xanh sạch, bền vững.

SỬ DỤNG CÁC LOẠI BAO BÌ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Minh Phú sử dụng bao bì trọng lượng nhẹ, có thể tái chế hoặc có thể tự hủy để bảo vệ môi trường

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM VỚI XÃ HỘI

Đối với người tiêu dùng

Với 20 năm kinh nghiệm phát triển, MINH PHÚ luôn cung cấp các sản phẩm tôm với số lượng và chất lượng tốt nhất, thỏa mãn mọi quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm khắt khe nhất trên thế giới.

MINH PHÚ không ngừng cải tiến, đổi mới công nghệ để các sản phẩm của mình luôn đáp ứng và thỏa mãn mọi nhu cầu cao nhất về chất lượng và giá cả của khách hàng.

Đối với cán bộ công nhân viên

Ổn định và nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên là chính sách được ưu tiên hàng đầu của MINH PHÚ. Các hoạt động cụ thể của MINH PHÚ như:

- ☐ Xây dựng nhà tập thể cho cán bộ công nhân viên.
- ☐ Hỗ trợ cán bộ nhân viên trong việc mua nhà trả góp
- ☐ Có xe buýt đưa rước công nhân
- ☐ Hỗ trợ tiền ăn trưa (ăn ca) với toàn thể cán bộ công nhân viên
- ☐ Phần thưởng khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi.

Tại MINH PHÚ, tất cả các cán bộ công nhân viên đều được tôn trọng bình đẳng, tạo điều kiện phát huy năng lực, thăng tiến trong sự nghiệp.

Với MINH PHÚ là phát triển bền vững, vì thế việc mở rộng phát triển của MINH PHÚ không phải vì danh hiệu này danh hiệu kia, không phải vì khẳng định vị trí thứ nhất, thứ 2 ... mà là vì sự ổn định và chất lượng đời sống người lao động. Hiện nay, lao động tại MINH PHÚ là trên 12.000 người và sẽ tăng lên trên 15.000 người. Phát triển công ty để người lao động có thu nhập cao, ổn định, có được sự thăng tiến trong nghề nghiệp, có cuộc sống đảm bảo. Và có như thế việc phát triển của MINH PHÚ mới có ý nghĩa.



Hình: Xe bus đưa đón công nhân nhà máy chế biến Minh Phú – Hậu Giang

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

MINH PHÚ chia sẻ trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động từ thiện như:

- ☐ Xây dựng trường học
- ☐ Xây nhà tình nghĩa (02 căn mỗi năm)
- ☐ Đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa; quỹ phúc lợi địa phương hàng năm
- ☐ Đóng góp xây dựng cho chương trình giao thông nông thôn.

Trong năm 2011, Công ty đã xây dựng 05 cây cầu cho bà con vùng sâu vùng xa trị giá 1,5 tỷ đồng)

- ☐ Tài trợ mổ mắt miễn phí cho người nghèo
- ☐ Tài trợ mổ tim



Hình: Chương trình mổ mắt từ thiện cho bệnh nhân nghèo ở Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật về kế toán. Công ty TNHH KPMG Việt Nam là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 cho công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú (tiền thân là Công ty cổ phần thủy hải sản Minh Phú) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000072 ngày 12 tháng 5 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 25 tháng 5 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi tỷ lệ vốn góp của thành viên Hội đồng quản trị.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 11 năm 2007 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 23 tháng 6 năm 2010 về việc đổi tên Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 87/GPPH ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mã chứng khoán là MPC.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

700.000.000.000 VND

Trong đó:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Văn Quang	159.610.000.000	22,80
Bà Chu Thị Bình	159.594.000.000	22,80
Ông Chu Văn An	11.094.000.000	1,58
Các cổ đông khác	369.702.000.000	52,82
Cộng	700.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Số điện thoại : (84-78) 3 838 262
Số Fax : (84-78) 3 833 119
Email : minhphu@minhphu.com
Mã số thuế : 2000393273

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản.
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu.
- Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng.
- Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và vật tư máy móc thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Khu Công nghiệp phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6102000008 ngày 19 tháng 9 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.	97,50 %
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Ấp Thanh Điền, xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6102000035 ngày 30 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.	95,00%
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-02-000417 ngày 16 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.	99,10%
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4302000139 ngày 09 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.	98,50%
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 642041000002 ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang cấp.	97,50%
Công ty TNHH một thành viên chế phẩm sinh học Minh Phú	Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6104000049 ngày 08 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.	100%
Công ty TNHH một thành viên Nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Ấp Hồ Gùi, tỉnh Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau	Giấy chứng nhận kinh đăng ký kinh doanh số 2000971566 ngày 26 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.	100%
Mseafod Corporation	California – Hoa Kỳ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2370515 ngày 27 tháng 12 năm 2001 do Văn phòng thư ký bang California tại Hoa Kỳ cấp.	90,00%
Công ty TNHH nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Lộc An	Ấp An Bình, xã Lộc An, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3501729783 ngày 11 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.	100%
Công ty TNHH MTV nuôi trồng Thủy sản Minh Phú Hòa Điền	Tổ 2, ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1701635962 ngày 22/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp	100%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty cổ phần cảng Minh Phú - Hậu Giang	227, ấp Phú Hưng, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 6300108975 ngày 24 tháng 2 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.	40%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu năm nay tăng 1.930,71 tỷ VND tương đương tăng 37,80% chủ yếu là do tăng công suất chế biến dẫn đến việc tăng doanh thu xuất khẩu. Lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 35,48 tỷ tương đương 9,51% so với năm trước chủ yếu là do lãi suất tăng cao trong năm 2011. Trong khi đó, công ty phải gánh chịu lãi vay cho khoản đầu tư vào nhà máy Minh Phú Hậu Giang, Công ty nuôi trồng Thủy sản Lộc An và Công ty nuôi trồng Thủy sản Hòa Điền, những dự án này vẫn chưa tạo ra lợi nhuận do chậm tiến độ đưa vào sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đề ra.

Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đã phát hành trái phiếu ghi sổ kỳ hạn 3 năm với giá trị là 500.000.000.000 VND để thực hiện các dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang do Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang, Công ty con của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú làm chủ đầu tư.
- Dự án mở rộng nuôi tôm công nghiệp tại ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH thủy sản Minh Phú – Kiên Giang, Công ty con của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú làm chủ đầu tư.
- Dự án đầu tư nuôi tôm công nghiệp tại Khu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật nuôi tôm công nghiệp Lộc An, huyện đất đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản làm chủ đầu tư.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch	25 tháng 6 năm 2011	-
Bà Chu Thị Bình	Thành viên	25 tháng 6 năm 2011	-
Ông Chu Văn An	Thành viên	25 tháng 6 năm 2011	-
Bà Đinh Ánh Tuyết	Thành viên	25 tháng 6 năm 2011	-
Ông Jean- Eric Jacquemin	Thành viên	25 tháng 6 năm 2011	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Văn Dũng	Trưởng ban	25 tháng 6 năm 2011	-
Bà Nguyễn Việt Hồng	Thành viên	25 tháng 6 năm 2011	-
Bà Mai Thị Hoàng Minh	Thành viên	25 tháng 6 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc	12 tháng 5 năm 2006	-
Bà Chu Thị Bình	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 5 năm 2006	-
Ông Chu Văn An	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 5 năm 2006	-
Ông Thái Hoàng Hùng	Phó Tổng Giám đốc	12 tháng 5 năm 2006	-
Ông Nguyễn Tân Anh	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2007	-
Ông Lê Văn Điệp	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Lê Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 07 năm 2011	-
Bùi Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 12 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH KPMG Việt Nam đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn thủy sản Minh Phú cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 11-01-174

Kính gửi các Cổ đông**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú****Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 03 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 4 năm 2011.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá các trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-01-174



Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

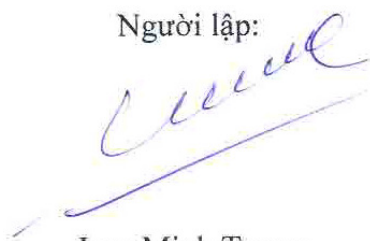
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		4.269.271.984.792	2.615.396.325.822
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.092.050.143.361	741.370.744.436
Tiền	111		107.660.976.207	476.911.141.527
Các khoản tương đương tiền	112		984.389.167.154	264.459.602.909
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	79.837.226.370	83.987.257.449
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		89.761.306.370	92.229.197.449
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(9.924.080.000)	(8.241.940.000)
Phải thu ngắn hạn	130	6	472.712.160.466	456.681.518.464
Phải thu khách hàng	131		440.462.646.656	376.295.574.584
Trả trước cho người bán	132		26.649.799.035	74.459.556.141
Các khoản phải thu khác	135		19.018.384.867	6.312.344.434
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(13.418.670.092)	(385.956.695)
Hàng tồn kho	140	7	2.408.809.317.557	1.213.741.507.906
Hàng tồn kho	141		2.462.562.328.071	1.231.270.556.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(53.753.010.514)	(17.529.048.781)
Tài sản ngắn hạn khác	150		215.863.137.038	119.615.297.567
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.358.294.400	591.428.034
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		155.420.150.276	90.880.970.099
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	8	8.763.287.256	20.556.777
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	48.321.405.106	28.122.342.657

Tài sản dài hạn	200		2.056.194.027.466	1.279.408.110.524
Các khoản phải thu dài hạn	210	10	92.225.592.536	50.244.906.671
Tài sản cố định	220		1.648.678.615.293	968.660.692.226
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.323.306.403.936	351.438.774.720
<i>Nguyên giá</i>	222		1.561.336.531.019	510.259.440.814
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(238.030.127.083)	(158.820.666.094)
Tài sản cố định vô hình	227	12	57.062.190.693	22.025.935.776
<i>Nguyên giá</i>	228		60.896.179.479	25.665.161.450
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.833.988.786)	(3.639.225.674)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	268.310.020.664	595.195.981.730
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	160.168.753.530	196.448.753.530
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.180.000.000	1.580.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		207.000.000.000	207.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(49.011.246.470)	(12.131.246.470)
Tài sản dài hạn khác	260		155.121.066.107	64.053.758.097
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	105.904.990.453	8.173.815.294
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	32	24.839.504.113	16.537.657.217
Tài sản dài hạn khác	268	16	4.556.157.655	16.432.976.000
Lợi thế thương mại	269	17	19.820.413.886	22.909.309.586
TỔNG TÀI SẢN	270		6.325.466.012.258	3.894.804.436.346

NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.707.852.603.427	2.489.526.775.302
Nợ ngắn hạn	310		3.565.128.372.484	1.738.464.458.787
Vay ngắn hạn	311	18	2.936.239.690.612	1.490.714.997.316
Phải trả người bán	312	19	313.623.931.737	104.387.991.344
Người mua trả tiền trước	313		7.607.282.515	7.601.769.511
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	20	64.218.324.764	21.376.402.425
Phải trả người lao động	315		52.666.140.501	24.605.491.777
Chi phí phải trả	316	21	91.187.673.067	71.360.232.059
Các khoản phải trả khác	319	22	35.041.880.688	6.486.123.587
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	64.543.448.600	11.931.450.768
Nợ dài hạn	330		1.142.724.230.943	751.062.316.515
Vay dài hạn	334	24	1.129.764.991.861	747.236.965.554
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	32	9.248.315.394	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	25	3.710.923.688	3.825.350.961
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.538.891.403.059	1.337.967.110.693
Vốn chủ sở hữu	410		1.538.891.403.059	1.337.967.110.693
Vốn cổ phần	411	26	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		88.506.239.451	54.301.347.051
Quỹ đầu tư phát triển	417		41.298.066.764	19.700.529.953
Lợi nhuận chưa phân phối	420		531.210.227.608	386.088.364.453
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	27	78.722.005.772	67.310.550.351
TỔNG NGUỒN VỐN	440		6.325.466.012.258	3.894.804.436.346

Người lập:


Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

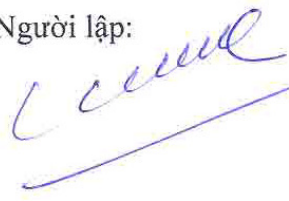
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	28	7.083.660.612.588	5.150.741.368.355
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	(45.134.289.780)	(42.927.228.223)
Doanh thu thuần	10	28	7.038.526.322.808	5.107.814.140.132
Giá vốn hàng bán	11	29	(5.989.259.197.437)	(4.348.632.817.160)
Lợi nhuận gộp	20		1.049.267.125.371	759.181.322.972
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	99.386.100.773	57.390.117.310
Chi phí tài chính	22	31	(402.046.481.459)	(174.097.384.184)
Chi phí bán hàng	24		(317.523.408.035)	(273.060.149.556)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(98.280.361.276)	(54.312.540.416)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		330.802.975.374	315.101.366.126
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		8.239.870.443	59.572.573.330
Chi phí khác	32		(1.575.586.366)	(1.731.791.495)
Lợi nhuận trước thuế	50		337.467.259.451	372.942.147.961
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	32	(52.822.946.649)	(67.578.405.619)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	32	(946.468.498)	9.313.263.777
Lợi nhuận thuần	60		283.697.844.304	314.677.006.119

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Lợi nhuận thuần	60		283.697.844.304	314.677.006.119
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	27	8.299.668.203	8.384.087.045
Chủ sở hữu của Công ty	62		275.398.176.101	306.292.919.074
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.934	4.376

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Phú và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	700.000.000.000	177.876.869.236	52.534.526.623	39.893.962.999	105.216.257.459	1.075.521.616.317
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	306.292.919.074	306.292.919.074
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(25.705.202.125)	(25.705.202.125)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(3.335.259.838)	-	-	(3.335.259.838)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	-	-	5.102.080.266	-	-	5.102.080.266
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(20.233.433.046)	-	(20.233.433.046)
Tăng khác	-	-	-	40.000.000	284.390.045	324.390.045
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000.000	177.876.869.236	54.301.347.051	19.700.529.953	386.088.364.453	1.337.967.110.693
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	275.398.176.101	275.398.176.101
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	37.979.312.473	(37.979.312.473)	-
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(81.647.741.362)	(81.647.741.362)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(17.067.368.685)	-	-	(17.067.368.685)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	-	-	30.869.632.562	-	-	30.869.632.562
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(16.381.775.662)	-	(16.381.775.662)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	20.402.628.523	-	-	20.402.628.523
Thuế trên cổ tức chuyển về từ đơn vị ở nước ngoài	-	-	-	-	(10.649.259.111)	(10.649.259.111)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	700.000.000.000	177.876.869.236	88.506.239.451	41.298.066.764	531.210.227.608	1.538.891.403.059

Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Phú và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

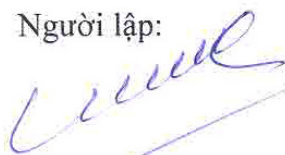
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		337.467.259.451	372.942.147.961
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		92.172.726.929	38.487.356.167
Các khoản dự phòng	03		87.476.978.265	19.821.796.127
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(6.214.609.921)	8.950.218.005
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		713.800.200	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	06		(40.159.265.990)	(20.032.719.609)
Chi phí lãi vay	07		340.901.136.561	143.894.321.053
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		812.358.025.495	564.063.119.704
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(148.950.150.039)	(217.441.388.093)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.180.515.168.705)	(436.052.786.682)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		263.394.303.425	62.405.655.233
Biến động chi phí trả trước	12		-	(256.921.449)
			(253.712.989.824)	(27.282.321.287)
Tiền lãi vay đã trả	13		(352.121.786.264)	(143.225.011.053)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(64.297.557.844)	(60.981.064.221)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.207.176.080
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(56.989.034.976)	(49.014.713.597)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(727.121.368.908)	(279.295.934.078)

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(782.724.873.995)	(580.218.788.444)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	7.662.431.850
Tiền gửi có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay	24		-	(113.095.984.244)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được và thu hồi khoản vay từ các đơn vị khác	25		7.340.555.968	259.508.819.959
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		(600.000.000)	(3.580.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	27		-	1.660.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	28		37.913.579.798	31.558.080.403
Tiền thu từ ký quỹ dài hạn	29		11.876.818.345	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(726.193.919.884)	(396.505.440.476)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền góp vốn nhận được từ cổ đông thiểu số	31		900.000.000	-
Tiền vay nhận được	33		8.799.853.014.423	6.447.709.693.392
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.991.132.607.902)	(5.181.133.750.008)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(6.680.123.049)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		1.802.940.283.472	1.266.575.943.384
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		349.624.994.680	590.774.568.830
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		741.370.744.436	151.115.119.814
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		1.054.404.245	(518.944.208)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	1.092.050.143.361	741.370.744.436

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2011 VND	2010 VND
Giá trị xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	20.492.296.551	-
Giá trị của chi phí trả trước dài hạn chưa thanh toán	5.670.000.000	-
Chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	25.319.782.419	-

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty Cổ phần Mseafood	Công ty Cổ phần Mseafood	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.	90,0%	90,0%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.	97,5%	97,0%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	-
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Nuôi trồng và chế biến các sản phẩm thủy sản; sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, thực phẩm thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000971566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 26 tháng 5 năm 2010.	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn có 12.068 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 6.787 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư của giao dịch nội bộ và lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lãi chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh giá trị đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua, trong một giao dịch mua bên thứ ba. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hay trình bày các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính được thuyết minh theo Thông tư 210 không yêu cầu thuyết minh số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(e) Các giao dịch bằng ngoại tệ**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong kỳ được qui đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(ii) Đơn vị hoạt động ở nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi khoản đầu tư vào đơn vị hoạt động ở nước ngoài được thanh lý một phần hoặc toàn bộ, số dư có liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(g) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ, các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(i) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(j) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa	5 – 39 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 15 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(k) Tài sản cố định vô hình**(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn**

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo các quy định Việt Nam vì nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận chi theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	5.291.427.235.800	1.725.624.384.750	21.474.702.258	-	7.038.526.322.808
Doanh thu giữa các bộ phận	325.981.226.166	1.792.809.399.251	-	33.987.007.120	(2.152.777.632.537)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	325.981.226.166	7.084.236.635.051	1.725.624.384.750	55.461.709.378	(2.152.777.632.537)	7.038.526.322.808
Kết quả kinh doanh của bộ phận	94.436.423.955	513.565.616.307	17.607.094.146	13.563.940.871	(5.709.719.219)	633.463.356.060
Doanh thu hoạt động tài chính						99.386.100.773
Chi phí tài chính						(402.046.481.459)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						330.802.975.374
Thu nhập khác						8.239.870.443
Chi phí khác						(1.575.586.366)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(53.769.415.147)
Lợi nhuận thuần						283.697.844.304

<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	1.402.863.840.701	3.665.912.664.434	10.140.061.237	28.897.573.760	5.107.814.140.132
Doanh thu giữa các bộ phận	265.904.645.440	1.502.342.950.313	-	15.570.293.384	(1.783.817.889.137)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	265.904.645.440	2.905.206.791.014	3.665.912.664.434	25.710.354.621	(1.754.920.315.377)	5.107.814.140.132
Kết quả kinh doanh của bộ phận	97.285.565.271	262.686.746.677	104.701.333.280	(3.178.455.143)	(29.686.557.085)	431.808.633.000
Doanh thu hoạt động tài chính						57.390.117.310
Chi phí tài chính						(174.097.384.184)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						315.101.366.126
Thu nhập khác						59.572.573.330
Chi phí khác						(1.731.791.495)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(58.265.141.842)
Lợi nhuận thuần						314.677.006.119

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	451.033.557.164	5.535.732.286.410	829.024.308.810	54.196.867.157	(1.762.791.270.119)	5.107.195.749.422
Đầu tư vào công ty liên kết						2.180.000.000
Tài sản không phân bổ						1.216.090.262.836
Tổng tài sản						6.325.466.012.258
Nợ phải trả của bộ phận	59.649.088.055	5.238.526.311.741	425.247.088.036	8.600.249.053	(1.748.417.581.568)	3.983.605.155.317
Nợ phải trả không phân bổ						724.247.448.110
Tổng nợ phải trả						4.707.852.603.427
<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản dài hạn	171.068.408.301	630.968.988.811	-	4.155.208.349	(23.467.731.466)	782.724.873.995
Khấu hao và phân bổ	7.303.956.263	69.245.847.144	337.566.663	2.830.588.013	-	79.717.958.083

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	154.190.467.609	2.432.809.426.041	842.601.339.366	710.336.363.815	(766.566.431.591)	3.373.371.165.240
Đầu tư vào công ty liên kết						1.580.000.000
Tài sản không phân bổ						519.853.271.106
Tổng tài sản						3.894.804.436.346
Nợ phải trả của bộ phận	2.524.925.100	2.386.266.783.241	260.078.315.902	348.639.051.805	(707.982.300.746)	2.289.526.775.302
Nợ phải trả không phân bổ						200.000.000.000
Tổng nợ phải trả						2.489.526.775.302
<i>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản dài hạn	1.772.735.494	87.360.428.415	53.788.298.972	-	-	142.921.462.881
Khấu hao và phân bổ	2.828.873.108	33.082.002.200	13.680.416.711	2.307.554.872	-	51.898.846.891

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**(i) Doanh thu bộ phận**

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2011	2010
	VND	VND
Việt Nam	390.927.291.510	419.566.450.643
Bắc Mỹ	3.045.566.192.648	2.493.082.718.488
Châu Âu	851.883.601.265	605.466.131.812
Nhật Bản	1.396.379.739.454	692.537.306.252
Hàn Quốc	839.890.899.817	603.682.530.674
Khác	513.878.598.114	293.497.002.263
	7.038.526.322.808	5.107.814.140.132

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	2011	2010
	VND	VND
Việt Nam	5.476.968.264.178	3.243.624.953.251
Bắc Mỹ	848.497.748.080	651.179.483.095
	6.325.466.012.258	3.894.804.436.346

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	8.768.451.368	4.137.588.924
Tiền gửi ngân hàng	98.892.524.839	472.773.552.603
Các khoản tương đương tiền	984.389.167.154	264.459.602.909
	1.092.050.143.361	741.370.744.436

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số ngoại tệ tương đương 34.514 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 16.326 triệu VND).

Trong tiền mặt và tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 434 triệu VND và 82.279 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 412 triệu VND và 380.116 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 41.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 38.000 triệu VND) bị hạn chế sử dụng theo điều khoản của hợp đồng bảo lãnh thanh toán với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	5.263.000.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần vận tải dầu khí	6.004.500.000	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	80.000	80.000
Đầu tư ngắn hạn khác		
▪ Các khoản cho vay (*)	7.746.276.778	8.538.770.957
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (**)	70.747.449.592	72.422.846.492
	89.761.306.370	92.229.197.449

(*) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm. Các khoản này không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

(**) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm từ 13,2% đến 14,0% trong năm. Khoản tiền gửi này được gửi tại các ngân hàng uy tín với rủi ro tín dụng thấp

Trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền 22.874 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.874 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	8.241.940.000	11.137.200.000
Tăng dự phòng trong năm	1.738.860.000	-
Hoàn nhập dự phòng	(56.720.000)	(2.895.260.000)
Số dư cuối năm	9.924.080.000	8.241.940.000

6. Phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng phản ánh khoản phải thu bên thứ ba không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền 25.211 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 35.953 triệu VND) là trả trước cho việc mua máy móc và dịch vụ xây dựng.

Trong phải thu khách hàng và trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 322.091 triệu VND và 1.869 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 242.381 triệu VND và 37.386 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Các khoản phải thu khác gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	6.433.402.240	4.187.716.048
Phải thu người lao động (*)	10.095.418.099	-
Các khoản phải thu khác	2.489.564.528	2.124.628.386
	19.018.384.867	6.312.344.434

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	385.956.695	-
Tăng dự phòng trong năm	17.542.577.828	385.956.695
Hoàn nhập	(4.509.864.431)	-
Số dư cuối năm	13.418.670.092	385.956.695

Số dư của các khoản phải thu và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng ngoài khoản dự phòng phải thu khó đòi đã lập, không cần lập bổ sung dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Dưới đây là bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu sau khi trừ dự phòng:

	31/12/2011 VND
Trong hạn	402.857.585.168
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	23.383.918.841
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	19.820.857.422
	446.062.361.431

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản dự phòng phải thu khó đòi 12.437 triệu VND liên quan đến một khách hàng đã tuyên bố phá sản trong năm. Mặc dù hàng hóa đã bán cho khách hàng này có điều kiện về việc giữ lại quyền sở hữu, Tập đoàn không có cơ sở xác minh liệu khách hàng còn sở hữu hàng hóa hay không.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	-	4.561.541.150
Nguyên vật liệu	86.401.393.236	48.079.396.402
Công cụ và dụng cụ	17.349.253.304	5.851.893.913
Sản phẩm dở dang	19.757.428.416	2.352.905.191
Thành phẩm	2.254.850.912.465	709.039.549.629
Hàng hóa	84.203.340.650	461.385.270.402
	2.462.562.328.071	1.231.270.556.687
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(53.753.010.514)	(17.529.048.781)
	2.408.809.317.557	1.213.741.507.906

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	17.529.048.781	7.329.195.819
Tăng dự phòng trong năm	64.912.931.787	10.199.852.962
Hoàn nhập	(29.030.806.919)	-
Chênh lệch tỷ giá	341.836.865	-
Số dư cuối năm	53.753.010.514	17.529.048.781

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.777.883 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 386.699 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 920.028 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 133.527 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.745.385.149	20.556.777
Thuế thu nhập cá nhân	17.902.107	-
	8.763.287.256	20.556.777

9. Tài sản ngắn hạn khác

Trong tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 42.472 triệu VND tạm ứng cho nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 23.701 triệu VND) để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

Trong tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 44.205 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 24.369 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Các khoản phải thu dài hạn

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Hàng năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn thuộc về Mseafood phản ánh khoản thuế chống bán phá giá tạm nộp. Chi tiết của các khoản phải thu này như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008	41.136.174.776	37.304.364.041
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011	45.704.942.372	12.940.542.630
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011	5.384.475.388	-
	92.225.592.536	50.244.906.671

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý ước tính của các khoản phải thu dài hạn, tính bằng giá trị hiện tại của luồng tiền lãi và tiền gốc trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 không chênh lệch đáng kể so với giá trị ghi sổ.

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	153.084.080.254	321.348.395.463	29.898.449.868	5.928.515.229	510.259.440.814
Tăng trong năm	39.216.930.261	162.015.617.122	23.770.399.517	4.784.912.986	229.787.859.886
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	328.746.958.486	458.428.422.055	44.256.885.631	1.148.697.181	832.580.963.353
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(13.453.292.079)	-	-	-	(13.453.292.079)
Phân loại lại	-	(504.716.508)	-	504.716.508	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	2.107.061.198	39.674.836	-	14.823.011	2.161.559.045
Số dư cuối năm	509.701.738.120	941.327.392.968	97.925.735.016	12.381.664.915	1.561.336.531.019
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	33.273.783.981	112.707.530.509	8.929.774.514	3.909.577.090	158.820.666.094
Khấu hao trong năm	16.540.095.436	55.344.665.226	6.135.527.724	1.038.738.486	79.059.026.872
Phân loại lại	-	(438.534.621)	-	438.534.621	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	105.655.172	30.861.035	-	13.917.910	150.434.117
Số dư cuối năm	49.919.534.589	167.644.522.149	15.065.302.238	5.400.768.107	238.030.127.083
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	119.810.296.273	208.640.864.954	20.968.675.354	2.018.938.139	351.438.774.720
Số dư cuối năm	459.782.203.531	773.682.870.819	82.860.432.778	6.980.896.808	1.323.306.403.936

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 68.078 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 38.578 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 1.004.648 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 145.618 triệu VND)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.052.200.000	19.956.614.159	1.656.347.291	25.665.161.450
Tăng trong năm	-	-	700.200.000	700.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	22.292.204.000	-	22.292.204.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	13.453.292.079	-	-	13.453.292.079
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.398.664.767)	-	(1.398.664.767)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài	183.986.717	-	-	183.986.717
Số dư cuối năm	17.689.478.796	40.850.153.392	2.356.547.291	60.896.179.479
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	3.129.591.816	509.633.858	3.639.225.674
Khấu hao trong năm	-	472.653.327	186.277.884	658.931.211
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(464.168.099)	-	(464.168.099)
Số dư cuối năm	-	3.138.077.044	695.911.742	3.833.988.786
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.052.200.000	16.827.022.343	1.146.713.433	22.025.935.776
Số dư cuối năm	17.689.478.796	37.712.076.348	1.660.635.549	57.062.190.693

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.048 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.982 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 27.656 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.198 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	595.195.981.730	121.546.180.814
Tăng trong năm	528.701.006.487	548.135.020.426
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(832.580.963.353)	(74.485.219.510)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(22.292.204.000)	-
Xóa sổ	(713.800.200)	-
 Số dư cuối năm	 268.310.020.664	 595.195.981.730

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 250.189 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 591.873 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 25.320 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 12.364 triệu VND).

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	2.180.000.000	1.580.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Quỹ tầm nhìn SSI	200.000.000.000	200.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	7.000.000.000	7.000.000.000
	207.000.000.000	207.000.000.000

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	12.131.246.470	-
Tăng dự phòng trong năm	80.394.174.535	12.131.246.470
Hoàn nhập	(43.514.174.535)	-
Số dư cuối năm	49.011.246.470	12.131.246.470

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng Ký Kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2011	31/12/2010
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng container và cảng vận chuyển hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.	6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.	40%	40%

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.009.147.914	-	-	6.164.667.380	8.173.815.294
Tăng trong năm	-	63.328.578.498	-	22.431.344.616	85.759.923.114
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	934.496.668	-	-	934.496.668
Chuyển từ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong vốn chủ sở hữu	-	-	20.402.628.523	-	20.402.628.523
Phân bổ trong năm	(69.265.965)	(1.788.921.477)	(2.040.262.852)	(5.467.422.852)	(9.365.873.146)
Số dư cuối năm	1.939.881.949	62.474.153.689	18.362.365.671	23.128.589.144	105.904.990.453

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ là 66.778 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 4.872 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

16. Tài sản dài hạn khác

Khoản này phản ánh 10% tiền ký quỹ cho hợp đồng bảo lãnh thanh toán giá trị 2.200.000 Đô la Mỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Cà Mau, và được hưởng lãi suất 0,1% một năm. Theo điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn phải duy trì số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn là 1.980.000 Đô la Mỹ tại Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Cà Mau như một khoản đảm bảo và Ngân hàng có nghĩa vụ đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và lệ phí liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá của Công ty Cổ phần Mseafood.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý ước tính của tài sản dài hạn, tính bằng giá trị hiện tại của luồng tiền lãi và tiền vốn trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, không chênh lệch đáng kể so với giá trị ghi sổ.

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	7.979.647.414
Phân bổ trong năm	3.088.895.700
Số dư cuối năm	11.068.543.114
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	22.909.309.586
Số dư cuối năm	19.820.413.886

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	2.626.418.137.945	1.490.714.997.316
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 24)	309.821.552.667	-
	2.936.239.690.612	1.490.714.997.316

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh khoản phải trả cho bên thứ ba không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	49.009.056.360	1.990.980.736
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.585.240.621	17.452.734.063
Thuế thu nhập cá nhân	624.027.783	1.912.130.849
Các loại thuế khác	-	20.556.777
	64.218.324.764	21.376.402.425

21. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	20.584.439.623	1.135.920.000
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	54.676.624.200	54.676.624.200
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	15.926.609.244	15.547.687.859
	91.187.673.067	71.360.232.059

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được quyết toán. Khoản thuế phải trả do Tập đoàn ước tính có thể thay đổi theo số thuế thực phải trả được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

22. Các khoản phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	876.979.684	576.441.479
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	11.040.682.989	4.000.000.000
Lãi vay phải trả	14.999.132.716	900.000.000
Hoa hồng phải trả	392.099.083	392.099.083
Tiền thuê đất phải trả	5.670.000.000	-
Phải trả khác	2.062.986.216	617.583.025
	35.041.880.688	6.486.123.587

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	11.931.450.768
Phân bổ quỹ	82.569.998.035
Sử dụng quỹ	(29.958.000.203)
Số dư cuối năm	64.543.448.600

24. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn	539.586.544.528	347.236.965.554
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	900.000.000.000	400.000.000.000
	1.439.586.544.528	747.236.965.554
Phải trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 18)	(309.821.552.667)	-
Phải trả sau 12 tháng	1.129.764.991.861	747.236.965.554

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm hết hạn	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam					
– Chi nhánh Cà Mau					
Khoản vay 1	VND	21,0%	2017	287.802.592.184	135.985.430.540
Khoản vay 2	USD	7,0%	2017	243.000.559.677	183.727.321.923
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Minh Hải					
Khoản vay 3	VND	-	2011	-	4.849.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau					
		18,3%-			
Khoản vay 4	VND	18,32%	2012	2.128.791.124	5.778.154.180
Khoản vay 5	VND	18,32%	2012	1.200.925.083	3.602.775.251
Khoản vay 6	VND	18,32%	2012	852.358.060	2.557.074.060
Khoản vay 7	VND	18,32%	2012	2.458.082.700	5.735.526.300
Khoản vay 8	VND	18,32%	2012	2.143.235.700	5.000.883.300
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn					
Lot 1	VND	9,98%	2012	200.000.000.000	200.000.000.000
Lot 2	VND	18,0%-20,0%	2013	200.000.000.000	200.000.000.000
Lot 3	VND	18,0%-20,0%	2014	500.000.000.000	-
				1.439.586.544.528	747.236.965.554

Các khoản vay ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi và được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền	3.607.142.559	4.405.167.616
Trả trước cho người bán	1.869.400.010	37.386.170.730
Hàng tồn kho	58.634.584.041	10.860.420.039
Tài sản ngắn hạn khác	44.204.986.671	24.368.880.521
Tài sản cố định hữu hình	974.093.022.418	112.858.215.460
Tài sản cố định vô hình	26.598.440.535	4.081.063.450
Xây dựng cơ bản dở dang	250.188.788.748	591.872.536.603
Chi phí trả trước dài hạn	66.778.429.577	4.872.088.183
	1.425.974.794.559	790.704.542.602

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Luồng tiền theo hợp đồng chưa chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	2.626.418.137.945	2.737.466.331.233	2.737.466.331.233	-	-	-
Phải trả người bán	313.623.931.737	313.623.931.737	313.623.931.737	-	-	-
Phải trả người lao động	52.666.140.501	52.666.140.501	52.666.140.501	-	-	-
Chi phí phải trả	91.187.673.067	91.187.673.067	91.187.673.067	-	-	-
Các khoản phải trả khác	35.041.880.688	35.041.880.688	35.041.880.688	-	-	-
Vay dài hạn	539.586.544.528	746.959.685.987	154.334.926.812	156.764.482.740	410.247.924.574	25.612.351.861
					-	-
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	900.000.000.000	1.225.070.888.889	360.070.888.889	340.000.000.000	525.000.000.000	-
	4.558.524.308.466	5.202.016.532.102	3.744.391.772.927	496.764.482.740	935.247.924.574	25.612.351.861

Tập đoàn quản lý khả năng đáp ứng các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng cách đầu tư thặng dư tiền trong các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý ước tính của vay dài hạn và trái phiếu doanh nghiệp dài hạn, tính bằng giá trị hiện tại của các luồng tiền lãi và tiền vốn trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 xấp xỉ với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vay ngắn hạn 2.626.418 triệu VND và nợ dài hạn 1.239.587 triệu VND của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm lợi nhuận thuần Tập đoàn sẽ giảm 14.123 triệu VND.

25. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	3.825.350.961
Sử dụng dự phòng trong năm	(114.427.273)
Số dư cuối năm	3.710.923.688

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 1.324 triệu VND (2010: 720 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí lương trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

27. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	67.310.550.351	46.469.180.502
Đầu tư thêm trong năm	900.000.000	15.000.000.000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	8.299.668.203	8.384.087.045
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài tính cho cổ đông thiểu số	9.814.166.940	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	(922.256.673)	-
Cổ tức	(6.680.123.049)	(2.542.717.196)
Số dư cuối năm	78.722.005.772	67.310.550.351

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	5.038.683.559.029	1.496.237.638.182
▪ Hàng hóa đã bán	1.997.966.611.496	3.607.008.835.106
▪ Phế liệu đã bán	47.010.442.063	39.960.359.477
▪ Khác	-	7.534.535.590
	7.083.660.612.588	5.150.741.368.355
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(737.022.306)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(44.397.267.474)	(42.927.228.223)
	(45.134.289.780)	(42.927.228.223)
Doanh thu thuần	7.038.526.322.808	5.107.814.140.132

29. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Thành phẩm đã bán	4.097.514.849.179	922.447.292.523
Hàng hóa đã bán	1.855.862.223.390	3.405.397.410.820
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	35.882.124.868	10.199.852.962
Khác	-	10.588.260.855
	5.989.259.197.437	4.348.632.817.160

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	40.159.265.990	19.831.193.529
Cổ tức	-	201.526.080
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	51.190.013.870	37.357.397.701
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.036.820.913	-
	99.386.100.773	57.390.117.310

31. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	340.901.136.561	143.894.321.053
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	2.574.500.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.860.993.906	4.447.535.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.822.210.992	8.950.218.005
Dự phòng giảm giá đầu tư	38.562.140.000	9.235.986.470
Chi phí khác	6.900.000.000	4.994.822.710
	402.046.481.459	174.097.384.184

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.891.624.506
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	23.746.604.335	14.646.032.711
Lỗi tính thuế mang sang	1.092.899.778	-
	24.839.504.113	16.537.657.217
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(1.376.499.148)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.871.816.246)	-
	(9.248.315.394)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	15.591.188.719	16.537.657.217

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	40.582.417.264	67.339.315.500
Dự phòng thiếu trong năm trước	12.240.529.385	239.090.119
	52.822.946.649	67.578.405.619
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	946.468.498	(9.313.263.777)
	53.769.415.147	58.265.141.842

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	337.467.259.451	372.942.147.961
Thuế theo thuế suất của Công ty	84.366.814.863	93.235.536.990
Chi phí không được khấu trừ thuế	537.228.108	131.184.046
Thu nhập không chịu thuế	-	(50.381.520)
Ưu đãi thuế	(47.329.119.123)	(40.122.404.269)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.326.498.879	576.270.830
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	2.627.463.035	4.255.845.646
Dự phòng thiếu trong năm trước	12.240.529.385	239.090.119
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	53.769.415.147	58.265.141.842

Theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC (“Thông tư 154”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 11 năm 2011, hoạt động của Công ty và một số công ty con nằm trong diện doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực chế biến thủy sản, do đó các công ty này được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho năm 2011.

(d) Thuế suất áp dụng***Công ty***

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các Công ty con***Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)***

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú – Hậu Giang (“Minh Phú – Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười lăm năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú – Hậu Giang không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú – Hậu Giang vẫn không có lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú – Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú – Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú – Lộc An có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong mười năm kể từ năm đầu tiên bắt đầu hoạt động và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú – Lộc An cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú – Lộc An không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú – Lộc An không có lợi nhuận chịu thuế.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú (“Tôm sinh thái Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	275.398.176.101	306.292.919.074

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	2011	2010
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	70.000.000	70.000.000

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**Các bên liên quan**

Tập đoàn có quan hệ liên quan với công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc, các nhân sự điều hành và công ty sở hữu bởi các cổ đông chính.

Giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan:

	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang		
Góp vốn	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Phú		
Thuê văn phòng	2.513.949.000	-

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2011 VND	2010 VND
Lương thưởng và trợ cấp	11.574.915.266	4.570.975.494

35. Cam kết**(a) Mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	9.717.542.656	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	222.168.758.738	399.666.681.328
	231.886.301.394	399.666.681.328

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	3.046.978.400	1.851.549.600
Từ hai đến năm năm	6.532.086.300	5.091.761.400
Sau năm năm	845.000.000	-
	10.424.064.700	6.943.311.000

36. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ như sau:

	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.292.170	-
Phải thu khách hàng	17.578.319	-
Tài sản tiền tệ khác	333.861	-
Phải trả người bán	(5.180.642)	(12.527.861)
Vay ngắn hạn	(5.185.544)	-
Vay dài hạn	(11.667.014)	-
	(2.828.850)	(12.527.861)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2011 VND
USD	20.828
JPY	271

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần tại ngày 31/12/2011 VND
USD (tăng 10%) – giảm lợi nhuận thuần	(10.154.884.413)
JPY (giảm 8%) – tăng lợi nhuận thuần	271.433.648
	(9.883.450.765)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	6.863.711.011.390	7.703.028.838.652
Chi phí nhân công	462.232.333.545	276.652.856.450
Chi phí khấu hao	92.172.726.929	38.487.356.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	335.188.900.077	291.300.509.485
Chi phí khác	134.182.324.025	58.505.626.778

Người lập:

Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Văn Điệp
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2012